

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bồi thường, hỗ trợ đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa màu của 15 hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do GPMB thực hiện xây dựng Tuyến đường ngang số 1, 2 thuộc hạng mục phục vụ thi công dự án Đường trục khu Kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00 - Km18+500), địa bàn xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 54/2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 422/2014/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án Đường trục Khu Kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00-Km18+500, hạng mục xây dựng tuyến đường ngang;*

*Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh về việc xác định hệ số điều chỉnh giá đất phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đường trục Khu Kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00-Km18+500), hạng mục: Xây dựng các tuyến đường ngang phục vụ thi công;*

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường trục Khu Kinh tế nối dài tại Văn bản số 145/TTr-HĐBT ngày 06/8/2021 và Biên bản họp Hội đồng thông qua ngày 5/8/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa màu của 15 hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do GPMB thực hiện xây dựng Tuyến đường ngang số 1, 2 thuộc hạng mục phục vụ thi công dự án Đường trục khu Kinh tế nối dài (đoạn Km4+00 - Km18+500), địa bàn xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, cụ thể như sau:

**1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 15 hộ gia đình, cá nhân** (bao gồm cả chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự trù cưỡng chế) là: **907.240.000 đồng** (Chín trăm lẻ bảy triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	887.711.000 đồng.
+ Giá trị bồi thường về đất:	71.813.000 đồng;
+ Giá trị hỗ trợ về đất:	291.198.000 đồng;
+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc:	443.062.000 đồng;
+ Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu:	26.638.000 đồng;
+ Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB:	55.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	17.754.000 đồng.
- Chi phí dự trù cưỡng chế (10% của GPMB 2%):	1.775.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo và Phương án chi tiết theo Văn bản số 145/TTr-HĐBT ngày 06/8/2021 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tỉnh).

**2. Nguồn vốn chi trả:** Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường trục Khu kinh tế nối dài (đoạn Km4+00 - Km18+500).

**Điều 2.** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC  
BẢNG TỔNG HỢP**

**GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC VÀ CÂY CỐI HOA MÀU CHO 15 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI DO GPMB THỰC HIỆN XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG NGANG SỐ 1 VÀ TUYẾN ĐƯỜNG NGANG SỐ 2 THUỘC HẠNG MỤC PHỤC VỤ THI CÔNG, DỰ ÁN ĐƯỜNG TRỤC KHU KINH TẾ NỔI DÀI (ĐOẠN KM 4+00 - KM 18+500), ĐỊA BÀN : XÃ CÁT NHƠN, HUYỆN PHÙ CÁT**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng.

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất	Tổng diện tích đất bị thu hồi QH (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại	DT đất xét bồi thường			Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối	Tiền thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
									Đất ở (m <sup>2</sup> )	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở (m <sup>2</sup> )	Đất không được bồi thường (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)					
<b>I</b>	<b>Bồi thường, hỗ trợ cho 15 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất do GPMB xây dựng các tuyến đường ngang</b>						<b>342,1</b>	<b>7.924,9</b>	<b>17,4</b>	<b>222,3</b>	<b>102,4</b>	<b>71.812.950</b>	<b>291.197.700</b>	<b>363.010.650</b>	<b>443.062.093</b>	<b>26.638.000</b>	<b>55.000.000</b>	<b>887.710.743</b>
1	Nguyễn Văn Hinh, vợ Nguyễn Thị Nghĩa	Thôn Đại Hào, xã Cát Nhơn	37	44	ONT+BHK	1.106,3	33,7	1.072,6	9,6	15,4	8,7	21.764.100	15.400.000	37.164.100	117.034.079	4.740.000	5.000.000	163.938.179
2	Trần Kinh, vợ Nguyễn Thị Liễu	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	42	44	ONT+BHK	894,0	28,5	865,5		16,4	12,1	2.730.600	21.861.200	24.591.800	13.500.642	3.182.500	1.000.000	42.274.942
3	Nguyễn Thị Bửu (chết); chị Nguyễn Thị Thiện (đại diện kê khai)	Thôn Đại Hào, xã Cát Nhơn	102	19	ONT+BHK	1.555,2	40,3	1.514,9		40,3		6.709.950	53.719.900	60.429.850	39.037.075	4.175.000	1.000.000	104.641.925
4	Nguyễn Bình Kha	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	51	44	ONT+BHK	112,2	9,3	102,9		2,4	6,9	399.600	3.199.200	3.598.800	7.641.359		5.000.000	16.240.159
5	Phạm Thị Năng	Thôn Chánh Mẫn, xã Cát Nhơn	74	47	ONT+BHK	144,2	4,2	140,0	2,5		1,7	5.000.000		5.000.000	8.766.000		5.000.000	18.766.000
6	Lê Thị Lộc	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	43	41	ONT+BHK	454,3	35,5	418,8		5,3	36,0	882.450,0	7.064.900,0	7.947.350	44.558.177	972.500	5.000.000	58.478.027
			67	41	BHK	75,6	5,8	69,8										
7	Lê Văn Á (chết); con Lê Đình Tiến (Đại diện Kê Khai)	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	44	41	ONT+BHK	541,9	65,0	476,9		77,7		12.937.050,0	103.574.100,0	116.511.150	23.208.500	1.596.000	5.000.000	146.315.650
			68	41	ONT+BHK	107,9	12,7	95,2										

TT	Chủ sử dụng	Địa chỉ	Số thửa	Tờ bản đồ	Loại đất	Tổng diện tích thửa đất	Tổng diện tích đất bị thu hồi QH (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại	DT đất xét bồi thường			Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cây cối	Tiền thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
									Đất ở (m <sup>2</sup> )	Đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở (m <sup>2</sup> )	Đất không được bồi thường (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường về đất (đồng)	Giá trị hỗ trợ về đất (đồng)					
8	Đoàn Ngọc Dũng; ông Đoàn Ngọc Hồng (đại diện kê khai)	Thôn Đại Hào, xã Cát Nhơn	103	19	ONT+BHK	103,0	18,3	84,7		18,3		3.046.950	24.393.900	27.440.850	30.561.736	173.000	1.000.000	59.175.586
9	Đoàn Ngọc Trung, vợ Nguyễn Thị Diễm Hà	Thôn Đại Hào, xã Cát Nhơn	134	19	ONT+BHK	1.085,9	34,2	1.051,7		34,2		5.694.300	45.588.600	51.282.900	44.334.500	8.597.000	5.000.000	109.214.400
10	Nguyễn Thị Hương, con gái Lê Thị Bích (đại diện kê khai)	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	54	44	ONT+BHK	1.055,5	25,0	1.030,5		9,1	15,9	1.515.150	12.130.300	13.645.450	42.639.859	1.560.000	5.000.000	62.845.309
11	Nguyễn Văn Hiếu, vợ Nguyễn Thị Nhận	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	61	44	ONT+BHK	321,8	10,6	311,2		3,2	7,4	532.800	4.265.600	4.798.400	19.483.588	662.000	1.000.000	25.943.988
12	Nguyễn Văn Mười, vợ Hứa Thị Phượng	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	73	44	ONT+BHK	167,8	2,7	165,1		2,5	0,2	5.000.000		5.000.000	11.598.435	662.000	5.000.000	22.260.435
13	Nguyễn Trí, vợ Bùi Thị Thanh	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	74	44	ONT+BHK	183,2	3,4	179,8		2,5	0,9	5.000.000		5.000.000	8.724.558	318.000	5.000.000	19.042.558
14	Cao Văn Hiền, vợ Bùi Thị Học	Thôn Chánh Mẫn, xã Cát Nhơn	73	47	ONT+BHK	179,2	6,3	172,9		0,2	6,1	400.000		400.000	15.637.362		1.000.000	17.037.362
15	Bùi Thị Chử	Thôn Chánh Mẫn, xã Cát Nhơn	72	47	ONT+BHK	179,0	6,6	172,4		0,1	6,5	200.000		200.000	16.336.224		5.000.000	21.536.224
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>						<b>342,1</b>	<b>7.924,9</b>	<b>17,4</b>	<b>222,3</b>	<b>102,4</b>	<b>71.812.950</b>	<b>291.197.700</b>	<b>363.010.650</b>	<b>443.062.093</b>	<b>26.638.000</b>	<b>55.000.000</b>	<b>887.711.000</b>
<b>B</b>	<b>Chi phí phục vụ GPMB (2%)</b>																	<b>17.754.000</b>
<b>C</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác cưỡng chế</b>																	<b>1.775.000</b>
<b>D</b>	<b>Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (A+B+C)</b>																	<b>907.240.000</b>